TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Nhiễu;
2. Vương Thị Xuyến.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/9/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025.

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Q, sinh năm 1990; nghề nghiệp: Giáo viên; dân tộc: Hoa; Số căn cước công dân: 0021***33, do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn G, sinh năm 1978; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; Số căn cước công dân: 0080***63, do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/9/2022; địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Anh C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2025, bản tự khai đề ngày 15/7/2025, biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chị Lý Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 17/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên

Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang). Khi đó chị Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã tự khai sinh năm 1988 để đăng ký kết hôn với anh G. Do tin tưởng công dân tự kê khai, công chức tư pháp thực hiện việc đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thực hiện việc đăng ký kết hôn không kiểm tra giấy tờ tùy thân của chị Q nên đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Lý Thị Q và anh Trương Văn G theo quy định. Tại bản sao trích lục kết hôn số 15/TLKH-BS ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang) giữa chị Q và anh G thể hiện chị sinh năm 1988, tuy nhiên các giấy tờ tùy thân khác đều thể hiện chị Q sinh năm 1990. Nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, đời sống chung không hạnh phúc, chị và anh G không còn tình cảm nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật, cho chị và anh G được ly hôn.

- Về con chung: Chị Q xác nhận chị và anh G có hai con chung là cháu Trương Gia H, sinh ngày 27/10/2007 và Trương Gia H1, sinh ngày 24/3/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị Lý Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Q xác nhận, chị và anh G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 15/7/2025, Biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trương Văn G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị Q tự nguyện đăng ký kết hôn 17/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Do thời điểm đăng ký kết hôn, chị Q chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi lên để kết hôn với anh G. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không còn hiểu nhau dẫn tới đời sống luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay chị Q đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Lý Thị Q, anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh G xác nhận, anh và chị Q có hai con chung là cháu Trương Gia H, sinh ngày 27/10/2007 và Trương Gia H1, sinh ngày 24/3/2015. Anh G đề nghị Tòa án giao hai con cho chị Lý Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh G xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung chưa thành niên ngày 15/7/2025, đối với cháu Trương Gia H và Trương Gia H1 thể hiện: Cháu Trương Gia H, sinh ngày 27/10/2007, hiện đã học xong lớp 12; cháu Trương Gia H1, sinh ngày 24/3/2015 hiện đang học lớp 5, trường tiểu học Y, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện hai cháu đang sống cùng với gia đình tại Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Nguyện vọng của hai cháu Trương Gia H và Trương Gia H1 là đề nghị Tòa án giao cho mẹ Lý

Thị Quỳnh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi anh G và chị Q ly hôn.

Tại văn bản số 52a/UBND-TP ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo pháp luật là ông Dương Anh C có ý kiến: Năm 2006, chị Lý Thị Q và anh Trương Văn G có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang) làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng. Kể từ ngày 01/7/2025, do thực hiện Nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính trong cả nước, các xã T, xã P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang được hợp nhất thành xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, công chức Tư pháp Hộ tịch trực tiếp thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn thời điểm đó là ông Nguyễn Tuấn K đã chết, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký giấy chứng nhận kết hôn là ông Nguyễn Văn T đã nghỉ chế độ, nên Ủy ban nhân dân P không xác định được nội dung vụ việc. Căn cứ kết quả rà soát sổ Đăng ký kết hôn số 01/2006 được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã, thể hiện tại số thứ tự 46 có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Lý Thị Q, sinh năm 1988 với anh Trương Văn G, sinh năm 1978, đăng ký kết hôn ngày 17/11/2006. Hiện nay, căn cước công dân số 00219***33 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021 của chị Lý Thị Q có thông tin ngày, tháng, năm sinh là: 02/6/1990, năm sinh không trùng với năm sinh trong giấy đăng ký kết hôn. Căn cứ ngày, tháng, năm sinh trong căn cước công dân hiện nay chị Q (02/6/1990) với ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn (17/11/2006) thì tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tuyên Quang xem xét hủy việc kết hôn giữa chị Lý Thị Q với anh Trương Văn G theo quy định của pháp luật. Nội dung trên hoàn toàn trùng khớp với thông tin tại Biên bản xác minh ngày 05/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang.

Tại bản sao Trích lục kết hôn số 15/TLKH ngày 23/01/2025 của Uỷ ban nhân dân xã T, ghi chị Q sinh năm 1988; giấy khai sinh, căn cước công dân, học bạ, giấy phép lái xe, xác nhận thông tin về cư trú, giấy khai sinh của hai con chung và chính lời khai của chị Q thể hiện, chị Q sinh ngày 02/6/1990.

Ngày 08/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang nhận được hồ sơ vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chuyển đến giải quyết theo thẩm quyền. Nhận thấy, việc chị Lý Thị Q yêu cầu Toà án giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị giải quyết ly hôn, hai yêu cầu này chưa thống nhất, do yêu cầu giải quyết Huỷ việc kết hôn trái pháp luật không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đã triệu tập chị Lý Thị Q để xác định yêu cầu khởi kiện của Chị Q. Tại Biên bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 8/9/2025, chị Lý Thị Q xác nhận mục đích của chị là giải quyết chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trương Văn G, do vậy chị xác định yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn, giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Do đó Toà án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang đã thu lý vụ án để giải quyết yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn G theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác nhận lại ý kiến của đương sự đối với chị Lý Thị Q ngày 09/9/2025,cChị Q có ý kiến: Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án khu vực 1 -

Tuyên Quang, chị yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trương Văn G. Nay chị vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Trương Văn G được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Lý do hiện nay, chị và anh Trương Văn G đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được; về con chung: Chị đề nghị, khi ly hôn giao hai con Trương Gia H, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Trương Gia H1, sinh ngày 24/3/2015 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh Trương Văn G cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung: Chị Q và anh Trương Văn G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị không có tài liệu, chứng cứ nào nộp bổ sung cho Tòa án và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập thêm người nào khác tham gia tố tụng không. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nội dung yêu cầu giải quyết của chị tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 để giải quyết. Do vụ việc được thụ lý, giải quyết đã lâu, bản thân chị cũng rất bận công việc, vì vậy, đề nghị Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giải quyết dứt điểm vụ việc theo quy định để chị yên tâm công tác. Chị không có ý kiến khiếu nại gì về đối với các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng bao gồm Thẩm phán, Thư ký đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị, do vậy chị hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị và anh Trương Văn G đã giao nộp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Tại biên bản xác nhận lại ý kiến của đương sự đối với anh Trương Văn G ngày 08/9/2025, anh Trương Văn G có ý kiến: Trong qua trình tham gia tố tụng tại Tòa án khu vực 1 - Tuyên Quang, anh đã nộp cho Tòa án bản tự khai. Nay anh G vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Lý Thị Q được ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Lý do hiện nay, anh và chị Lý Thị Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không còn hiểu nhau nên không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được; về con chung: Khi ly hôn, anh nhất trí giao các con cho chị Lý Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung, anh và chị Lý Thị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí, chị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh giữ nguyên nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, không có thay đổi bổ sung gì thêm, không có yêu cầu phản tố. Anh cũng không có tài liệu, chứng cứ nào nộp bổ sung cho Tòa án, và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập thêm người nào khác tham gia tố tụng không. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nội dung yêu cầu giải quyết của anh tại biên bản kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 20/8/2025 để giải quyết. Vụ việc được thụ lý, giải quyết đã lâu, bản thân anh cũng rất bận công việc, vì vậy, đề nghị Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giải quyết dứt điểm vụ việc theo quy định để anh yên tâm làm việc. Anh không có ý kiến khiếu nại gì về đối với các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng bao gồm Thẩm phán, Thư ký đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh, do vậy anh hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh và chị Lý Thị Q đã giao nộp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Tại biên bản xác minh nơi cư trú của anh Trương Văn G ngày 11/9/2025, Công an xã Y xác nhận: Anh Trương Văn G, sinh năm 1978 chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 03/6/2025, chủ hộ là Lý Thị Quỳnh, kèm theo biên bản là bản Xác nhận thông tin về cư trú của anh Trương Văn G.

Tại biên bản xác minh ngày 11/9/2025, tại Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang, Trưởng thôn N cho biết: Trường hợp công dân anh Trương Văn G và chị Lý Thị Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc anh G, chị Q có đủ tuổi đăng ký kết hôn hay không thì không nắm rõ. Quá trình tham gia làm Trưởng thôn từ năm 2020 đến nay thì biết vợ chồng anh G, chị Q chung sống cùng các con tại thôn N, xã Y, chị Q làm giáo viên, còn anh G làm việc tự do khung nhôm, kính. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Q, anh G thì không nắm được, không thấy vợ chồng cãi chửi nhau, thôn và xã cũng chưa từng giải quyết về mâu thuẫn gia đình anh G, chị Q. Vợ chồng anh G, chị Q có 02 con chung là Trương Gia H và Trương Gia H1, được biết là các con vẫn sống cùng chị Q, anh G. Cháu H1 hiện đang học trường cấp 1 tại xã, còn cháu H đã học xong lớp 12 và hiện đang đi làm không ở nhà. Vợ chồng anh G, chị Q có 01 căn nhà xây cấp 4, lợp mái tôn, hiện vợ chồng đang ở và anh G kinh doanh làm nhôm, kính. Về nợ và thu nhập của vợ chồng anh G, chị Q thì không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Q và bị đơn anh Trương Văn G và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang, người đại diện theo pháp luật là ông Dương Anh C đều vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành, người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp Luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật là ông Dương Anh C trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự đều chấp hành đầy đủ pháp Luật Tố tụng dân sự theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d.1 mục 2 của Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị Q, cho chị Lý Thị Q được ly hôn với anh Trương Văn G; về con chung: Giao cháu Trương Gia H và cháu Trương Gia H1 cho Chị Lý Thị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị Lý Thị Q phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn G có địa chỉ tại Thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang.

[2] Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh G đăng ký kết hôn ngày 17/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đa (nay là xã Phú Lương). Tại thời điểm kết hôn, chị Q chưa đủ tuổi theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do chị Q khai sinh năm 1988 để hợp thức hóa điều kiện kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Quan hệ hôn nhân

và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết". Chị Lý Thị Q và anh Trương Văn G đăng ký kết hôn năm 2006 thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về điều kiện kết hôn là "Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên". Như vậy tại thời điểm kết hôn năm 2006 chị Q mới 16 tuổi nên chưa đủ điều kiện kết hôn, theo quy định của điểm d.1 mục 2 của Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "Nếu đến thời điểm có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn thì Toà án thụ lý vụ án để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung". Nhận thấy, sau khi kết hôn, hai bên đã chung sống nhiều năm, có 02 con chung, quan hệ hôn nhân được xã hội và gia đình thừa nhận. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.1]Xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Q và anh G bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, thường xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, đời sống chung không hạnh phúc, nay chị Q và anh G đều có ý kiến đề nghị Toà giải quyết cho ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét ý kiến của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang, do ông Dương Anh C – Chủ tịch UBND xã ký tại văn bản số 52a/UBND-TP ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã P, đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay chị Lý Thị Q và anh Trương Văn G có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, đây là ý chí tự nguyện của đương sự; căn cứ hướng dẫn tại điểm d.1 mục 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy đến thời điểm có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không tuyên hủy việc kết hôn mà giải quyết cho ly hôn theo thủ tục chung.

[5] Về con chung: Hai con chung Trương Gia H và Trương Gia H1 có nguyện vọng ở cùng mẹ, chị Q có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; anh G cũng nhất trí giao cả hai con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H và cháu H1 theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu H và cháu H1 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện và nguyện vọng của các đương sự.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Q và anh G xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lý Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm d.1 mục 2 của Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị Q, cho chị Lý Thị Q được ly hôn với anh Trương Văn G, (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 17/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 27/10/2007 và cháu Trương Gia H1, sinh ngày 24/3/2015 cho chị Lý Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Trương Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị Q đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000046 ngày 15/7/2025, ghi nhận chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền thi hành án: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 – Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Tình